

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 178/2024/HS-ST

Ngày 15 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Văn Minh

Bà Lò Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên và điểm cầu thành phần Nhà giam giữ Công an huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 180/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Văn Đ** (tên gọi khác: Không có) - Sinh năm: 1973; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: thôn 6, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 07/12 Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Văn S (đã chết) và bà Mai Thị V (đã chết); bị cáo có vợ là Hoàng Thị T (đã ly hôn) và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2010/HSST ngày 17/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 43 tháng về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 17/6/2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt; ngày 05/01/2011 bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 174/2019/HS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 11/11/2020 bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù, ngày 09/12/2019 bị cáo đã nộp

200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tính đến ngày 12/4/2024 bị cáo đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/4/2024, sau đó bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Ngọc K, sinh năm: 1974; địa chỉ: Đội 17, xã Thanh Xương, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

- Người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 10 phút ngày 12/4/2024, tại lán trồng rau của ông Đỗ Ngọc K ở thôn 6, xã P, huyện Đ, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Điện Biên phối hợp với Công an thôn 6, xã Pom Lót, huyện Đ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ của Mai Văn Đ 01 gói được gói bằng 02 mảnh nilon màu đen, tiếp theo là mảnh nilon màu hồng, chứa 23 viên Methamphetamine có tổng khối lượng 2,46 gam. Số ma túy được để tại cuối giường ngủ trong lán, cách chỗ Mai Văn Đ đang ngồi khoảng 01m. Bị cáo khai số ma túy bị thu giữ là của bị cáo, bị cáo cất giấu nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Đ khai nguồn gốc số ma túy là do khoảng 08 giờ ngày 12/4/2024, Mai Văn Đ đi bộ từ nhà ở thôn 6, xã P, huyện Đ đến khu vực đường thuộc bản Na Hai, thôn 6, xã Pom Lót, huyện Đ, mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đây, Đ gặp và mua được của một người nam giới dân tộc Thái, khoảng 14 tuổi (không biết tên, địa chỉ) 01 gói Methamphetamine với giá 700.000 đồng. Mua xong, Đ cất gói ma túy vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi bộ ra bờ suối thuộc thôn 6, thôn 6, xã P, huyện Đ. Tại đây, Đ nhặt 01 vỏ chai nhựa màu trắng, 01 ống hút nhựa màu xanh, 01 ống tre rồi đi đến lán trồng rau của ông Đỗ Ngọc K ở thôn 6, thôn 6, xã P, huyện Đ, thấy trong lán không có người nên Đ đi vào ngồi ở giường trong lán, cắm ống hút nối liền với ống tre vào chai nhựa tạo thành ống điều và để ở cuối giường, rồi lấy điện thoại di động và gói Methamphetamine ra đặt trên mặt chiếu ở cuối giường để sử dụng thì ông Đỗ Ngọc K và lực lượng Công an đi vào trong lán. Lực lượng Công an bắt quả tang kiểm tra, bắt quả tang bị cáo đang cất giấu ma túy.

Tại biên bản làm việc về nội dung: Mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại vật chứng, đồ vật, tài liệu ngày 13/4/2024 thể hiện: Vật chứng thu giữ của Mai Văn Đ có 23 viên nén màu hồng có tổng khối lượng là 2,46 gam, trích 05 viên gửi giám định ma túy có khối lượng 0,51 gam, khối lượng còn lại 1,95 gam.

Tại Bản kết luận giám định số 665/KL-KTHS ngày 15/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Vật chứng thu giữ của Mai Văn Đ có khối lượng 2,46 gam. Mẫu các viên nén màu hồng trích ra từ vật

chứng thu giữ của Mai Văn Đ gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Không hoàn lại mẫu giám định.

Tại Bản cáo trạng số: 122/CT-VKSHDB ngày 26/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo **Mai Văn Đ** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Ngọc K trình bày: Lán trồng rau, nơi bắt quả tang bị cáo Đ tàng trữ trái phép chất ma túy là của gia đình ông K, ông K không biết bị cáo vào lán của gia đình ông nhằm mục đích gì. Ông K được chứng kiến việc cơ quan Công an bắt quả tang bị cáo cất giấu ma túy nhằm mục đích sử dụng. Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo tù 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 1,95 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định); 01 (một) chai nhựa, có cắm ống hút nối với ống tre, tình trạng cũ đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu ITEL, màu xanh, viền màu đen; số IMEI: 356772979767849, 356772979767856; bên trong có 01 (một) thẻ sim có số thuê bao Viettel: 0364.937.831; tình trạng cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Hồi 11 giờ 10 phút ngày 12/4/2024, tại lán của ông

Đỗ Ngọc K ở thôn 6, thôn 6, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Mai Văn Đ có hành vi cất giấu trái phép 2,46 gam Methamphetamine, mục đích để bản thân sử dụng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm những quy định của Nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo đã hai lần bị xét xử, mặc dù đã được xóa án tích nhưng là người có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bố đẻ bị cáo được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, bị cáo làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo có một ngôi nhà để ở và các tài sản là đồ dùng sinh hoạt ngoài ra không có tài sản khác có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác: Bị cáo khai mua ma túy của người thanh niên không biết tên, địa chỉ; ông K không biết bị cáo vào lán rau của gia đình để sử dụng ma

túy nên không có cơ sở giải quyết trong vụ án

[10] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 1,95 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định) do là vật Nhà nước cất tàng trữ; 01 (một) chai nhựa, có cắm ống hút nối với ống tre, tình trạng cũ đã qua sử dụng do không có giá trị.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) chiếc điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu ITEL, màu xanh, viền màu đen; số IMEI: 356772979767849, 356772979767856; bên trong có 01 (một) thẻ sim có số thuê bao Viettel: 0364.937.831; tình trạng cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động. Do bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Mai Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Mai Văn Đ 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 12/4/2024).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 1,95 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định); 01 (một) chai nhựa, có cắm một ống hút nhựa màu xanh nối liền với một ống tre.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) chiếc điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu ITEL, màu xanh, viền màu đen; số IMEI: 356772979767849, 356772979767856; bên trong có 01 (một) thẻ sim có số thuê bao Viettel: 0364.937.831; tình trạng cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/7/2024 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **vắng mặt** tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện DB;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ- CAHĐB;
- CA huyện DB;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện DB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện DB;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng